

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc về công tác bảo vệ trẻ em và Công văn số 672/LĐTĐ-BHXH-TE ngày 20/02/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn công tác trẻ em năm 2019; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tập trung thực hiện tốt một số công việc trọng tâm về công tác trẻ em năm 2019 trên địa bàn tỉnh như sau:

**1. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 05/11/2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới và Chỉ thị số 08-CT/TU ngày 03/02/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trên địa bàn tỉnh.**

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu, trong việc chỉ đạo, quản lý và thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quyền trẻ em; bảo đảm trẻ em được sống trong môi trường an toàn, lành mạnh và thân thiện.

- Tăng cường trách nhiệm giám sát và phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên đối với việc xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến trẻ em.

- Triển khai sâu rộng Phong trào “Toàn dân chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em” gắn với cuộc vận động “Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” đến địa bàn dân cư; gắn kết tiêu chí về thực hiện quyền trẻ em với đánh giá nông thôn mới, đô thị văn minh. Phổ biến và thực hiện những quy định về tiêu chuẩn, trình tự đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em. Tham gia phát hiện, ngăn chặn các hành vi bạo lực, bóc lột, xâm hại trẻ em, vi phạm pháp luật, vi phạm quyền trẻ em; biểu dương, nhân rộng những nhân tố tích cực, những mô hình, kinh nghiệm và gương người tốt, việc tốt thực hiện quyền trẻ em, nhất là bảo vệ trẻ em.

**2. Tăng cường các hoạt động truyền thông, giáo dục, vận động xã hội về thực hiện quyền trẻ em.**

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thực hiện các quyền trẻ em, bảo vệ trẻ em, Luật Trẻ em và Nghị định số 56/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em.

- Tổ chức Tháng hành động vì trẻ em năm 2019 với chủ đề “*Chung tay vì trẻ em nghèo, trẻ em dân tộc thiểu số*”. Vận động nguồn lực xã hội và quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực thông qua Quỹ Bảo trợ trẻ em để trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, giải quyết các vấn đề về trẻ em của địa phương.

- Tổ chức hoạt động Tết Trung thu để mọi trẻ em được vui Tết Trung thu an toàn, lành mạnh, giữ gìn, phát huy bản sắc dân tộc. Giáo dục gia đình, vận động xã hội quan tâm chăm lo cho trẻ em, ưu tiên trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em thuộc hộ nghèo, trẻ em miền núi, hải đảo và các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

- Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, hướng dẫn thành viên gia đình kiến thức, kỹ năng bảo vệ, chăm sóc trẻ em, phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em, phòng, chống tai nạn thương tích bằng nhiều hình thức, sản phẩm truyền thông và mạng xã hội. Phổ biến quy định của pháp luật và hướng dẫn việc phòng, chống bóc lột trẻ em, không sử dụng lao động trẻ em trái với quy định của pháp luật, nhất là trong các hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh, làng nghề thuộc khu vực kinh tế phi chính thức.

- Tổ chức các sự kiện, hoạt động truyền thông, biểu dương, trao đổi kinh nghiệm để nhân rộng những mô hình, các tổ chức, tập thể, cá nhân có sáng kiến, đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em và thực hiện quyền trẻ em.

- Truyền thông, quảng bá về Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em số **111** để mọi người dân và trẻ em thông báo, tố giác nguy cơ, hành vi xâm hại trẻ em và liên hệ khi có nhu cầu cần được tư vấn, hỗ trợ. Phối hợp, xử lý thông tin kịp thời giữa địa phương với Tổng đài **111** trong việc xác minh, hỗ trợ, can thiệp các vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em. Kiên quyết xử lý nghiêm người có hành vi bạo lực, xâm hại trẻ em, vi phạm quyền trẻ em và người thực hiện không đầy đủ trách nhiệm bảo vệ trẻ em.

### **3. Củng cố hệ thống tổ chức, bố trí cán bộ làm công tác trẻ em theo quy định của pháp luật.**

- 100% các xã, phường, thị trấn phải bố trí đầy đủ người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã trong số công chức, người hoạt động không chuyên trách, cán bộ Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ cấp xã theo quy định của Luật Trẻ em.

- Thành lập, củng cố, kiện toàn Ban điều hành và Nhóm công tác liên ngành bảo vệ trẻ em cấp huyện, cấp xã do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND đứng đầu trở thành tổ chức phối hợp liên ngành về trẻ em để giúp UBND, Chủ tịch UBND cùng cấp phối hợp, đôn đốc, điều hòa việc giải quyết các vấn đề trẻ em, thực hiện quyền trẻ em ở địa phương.

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn đội ngũ cộng tác viên theo Nghị quyết số 27/2012/NQ-HĐND ngày 07/12/2012 của HĐND tỉnh và Quyết định số 52/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án xây dựng đội ngũ cộng tác viên thôn, làng, khu phố làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở tỉnh. Nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác bảo vệ trẻ em các cấp, đặc biệt chú trọng

nâng cao năng lực trong việc thực hiện quy trình hỗ trợ, can thiệp trẻ em bị xâm hại, thực hiện chính sách cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và thu thập, cập nhật thông tin về trẻ em ở cấp huyện, xã và cộng đồng dân cư.

#### **4. Thực hiện các Chương trình, đề án, kế hoạch về trẻ em.**

- Trên cơ sở các chương trình, đề án, kế hoạch về trẻ em đã được UBND tỉnh ban hành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các sở, ngành, hội, đoàn thể có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, triển khai đầy đủ các nội dung đã được phân công.

- Duy trì, phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em kết nối với các dịch vụ công tác xã hội, bảo trợ xã hội, y tế, giáo dục và trợ giúp pháp lý nhằm đáp ứng việc bảo vệ trẻ em ở cả 03 cấp độ (phòng ngừa, hỗ trợ, can thiệp). Phát huy hiệu quả hoạt động của các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, đặc biệt là phát huy vai trò của Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội tỉnh, Làng Trẻ em SOS Quy Nhơn, các điểm tư vấn trẻ em tại cộng đồng, trường học trong công tác tư vấn và thực hiện quyền trẻ em.

- Tổ chức Diễn đàn trẻ em các cấp để xem xét và giải quyết những vấn đề, kiến nghị được trẻ em quan tâm; chọn đại diện trẻ em tham gia Diễn đàn trẻ em cấp tỉnh, cấp quốc gia.

- Sở Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh Đoàn, các sở, ngành có liên quan phối hợp chặt chẽ với các địa phương tổ chức thực hiện bàn giao, quản lý học sinh, tổ chức các hoạt động cho trẻ em trong dịp hè để giảm thiểu trẻ em bị tai nạn đuối nước, bị bạo lực, xâm hại, bảo đảm mùa hè an toàn, lành mạnh cho trẻ em tại địa phương.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở ngành, hội, đoàn thể có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác kiểm tra các cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở giáo dục mầm non về tiêu chuẩn, điều kiện hoạt động, đảm bảo an toàn, phòng ngừa bạo lực, xâm hại trẻ em.

#### **5. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về công tác trẻ em.**

- UBND các huyện, thị xã, thành phố, các sở, ngành, hội, đoàn thể có liên quan thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo về công tác trẻ em giữa các cấp quản lý và chế độ báo cáo được Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh giao tại các chương trình, đề án, kế hoạch về trẻ em.

- Kịp thời xác minh, báo cáo những vấn đề, vụ việc đột xuất, nổi cộm liên quan đến trẻ em cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, UBND các cấp để phối hợp, hỗ trợ tháo gỡ, giải quyết.

- Duy trì hoạt động thu thập thông tin, theo dõi, đánh giá việc thực hiện Luật Trẻ em, pháp luật, chính sách, mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em tại địa phương. Cập nhật thông tin về trẻ em, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em sống ở vùng cao, biên giới, hải đảo, vùng kinh tế - xã hội khó khăn, trẻ em trong hộ nghèo, hộ cận nghèo vào hệ thống cơ sở dữ liệu trẻ em theo hướng dẫn của Bộ lao động - Thương binh và Xã hội.

Các địa phương và sở, ngành, hội, đoàn thể có liên quan định kỳ báo cáo kết quả công tác trẻ em về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và UBND tỉnh theo hướng dẫn và biểu mẫu kèm theo Công văn này. (Báo cáo 6 tháng trước ngày 25/5/2019 và báo cáo năm gửi trước ngày 20/11/2019).

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan phối hợp tổ chức triển khai thực hiện./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tuấn Thanh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Bình Định;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K20. *tb*



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**



# MẪU BÁO CÁO (6 tháng và 1 năm)

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH  
CƠ QUAN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng năm 2019

## BÁO CÁO

**Kết quả công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em 6 tháng/năm 2019  
và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2019/năm 2020**

### I. Đặc điểm tình hình

1. Tình hình kinh tế, xã hội tác động đến trẻ em và công tác trẻ em tại địa phương và ngành.
2. Những vấn đề trẻ em và công tác trẻ em phát sinh hoặc chưa được giải quyết.

### II. Kết quả thực hiện

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo, giám sát, đánh giá trong lĩnh vực BVCSTE và thực hiện quyền trẻ em
  2. Công tác bảo vệ trẻ em (ở 3 cấp độ)
  3. Công tác chăm sóc trẻ em
  4. Công tác giáo dục trẻ em
  5. Công tác văn hóa, thông tin, thể thao, du lịch cho trẻ em
  6. Thực hiện quyền tham gia của trẻ em
- \* Nội dung báo cáo của từng lĩnh vực, gồm: (i) Kết quả thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu. (ii) Các mô hình. (iii) Hoạt động theo các chương trình, đề án, kế hoạch đã được phê duyệt.
7. Các hoạt động dự án, chương trình, mô hình hợp tác quốc tế hoặc vận động xã hội.
  8. Hoạt động của Quỹ Bảo trợ trẻ em (nếu có).
  9. Kết quả thực hiện các Chương trình, kinh phí đầu tư cho công tác trẻ em

### III. Đánh giá kết quả đạt được:

1. So sánh kết quả, hiệu quả với năm trước liền kề.
2. Những tồn tại, hạn chế
3. Nguyên nhân của tồn tại và hạn chế (chủ quan và khách quan)

### IV. Kế hoạch 6 tháng cuối năm/năm tiếp theo

1. Mục tiêu chung
2. Các mục tiêu cụ thể
3. Các chỉ tiêu cần đạt
4. Nội dung các chương trình, đề án, hoạt động trọng tâm và các mô hình tiếp tục thực hiện
5. Dự kiến tổng kinh phí hoạt động.

Nơi nhận:

-  
-

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, đóng dấu)

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC TRẺ EM**
*Huyện/thị xã/thành phố:.....*

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2019
<b>I</b>	<b>Dân số trẻ em</b>		
1	Số trẻ em dưới 16 tuổi	Người	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 16 tuổi/tổng dân số	%	
2	Số trẻ em dưới 6 tuổi	Người	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi/tổng dân số	%	
3	Số trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ bảo hiểm y tế	Người	
	Trong đó:		
	Số trẻ em dưới 6 tuổi được khám chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm y tế	Người	
4	Số người chưa thành niên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	Người	
	Tỷ lệ người chưa thành niên 16-18 tuổi/tổng dân số	%	
<b>II</b>	<b>Tháng hành động vì trẻ em</b>		
1	Số điểm tổ chức Lễ phát động, sự kiện, hoạt động	Điểm	
2	Số lượt trẻ em được tham dự Lễ phát động, sự kiện, hoạt động	Lượt	
3	Số lượt trẻ em được tặng quà, cấp học bổng, phẫu thuật miễn giảm phí	Lượt	
4	Kinh phí dành cho trẻ em, công trình cho trẻ em trong Tháng hành động vì trẻ em, gồm:	Triệu đồng	
4.1	Ngân sách	Triệu đồng	
4.2	Nguồn vận động	Triệu đồng	
<b>III</b>	<b>Tết Trung thu cho trẻ em</b>		
1	Số điểm tổ chức Tết Trung thu (tỉnh, huyện, xã)	Điểm	
2	Số lượt trẻ em được tham gia Tết Trung thu	Lượt	
3	Số lượt trẻ em được tặng quà	Lượt	
4	Kinh phí dành cho trẻ em trong dịp Tết Trung thu, gồm:	Triệu đồng	
4.1	Ngân sách	Triệu đồng	
4.2	Nguồn vận động	Triệu đồng	
<b>IV</b>	<b>Diễn đàn trẻ em các cấp</b>		
1	Diễn đàn trẻ em cấp tỉnh		
2	Số diễn đàn trẻ em các cấp (huyện, xã)	Cuộc	
3	Số lượt trẻ em tham gia	Lượt	
<b>V</b>	<b>Truyền thông, giáo dục và vận động xã hội</b>		
1	Số lượt người được truyền thông trực tiếp về lĩnh vực trẻ em dưới các hình thức	Lượt	
2	Số sản phẩm truyền thông về lĩnh vực trẻ em được sản xuất ở địa phương		
	Trong đó:		
2.1	Số chương trình phát thanh/truyền hình về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến ở địa phương	CT	
2.2	Số chuyên trang/chuyên mục trên báo/tạp chí/báo mạng truyền thông về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến ở địa phương	Đầu CT, CM	

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2019
3	Số lượng các hình thức truyền thông khác	Hoạt động/sự kiện	
<b>VI</b>	<b>Số người làm công tác trẻ em các cấp</b>		
1	Cấp huyện	Người	
	Trong đó:	Người	
1.1	Chuyên trách	Người	
1.2	Kiểm nhiệm	Người	
2	Cấp xã	Người	
	Trong đó		
2.1	Chuyên trách	Người	
2.2	Kiểm nhiệm	Người	
3	Cộng tác viên thôn, ấp, bản	Người	
<b>VII</b>	<b>Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em và trẻ em</b>		
1	Số lớp và số cán bộ cấp tỉnh/huyện được tập huấn về công tác trẻ em (quản lý và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án... về trẻ em ở địa phương)		
1.1	Số lớp học	Lớp	
1.2	Số lượt người	Lượt	
2	Số lớp/số cán bộ cấp xã, cộng tác viên tham gia công tác trẻ em ở thôn, xóm, bản, làng, cụm dân cư được tập huấn kỹ năng về thực hiện quyền trẻ em		
2.1	Số lớp	Lớp	
2.2	Số lượt người	Lượt	
3	Số lớp, số trẻ em được tập huấn về quyền trẻ em và kỹ năng tự bảo vệ		
3.1	Số lớp	Lớp	
3.2	Số lượt trẻ em	Lượt	
4	Số tài liệu tập huấn được xây dựng, sử dụng	Đầu tài liệu	
<b>VIII</b>	<b>Nguồn kinh phí cho lĩnh vực trẻ em</b>		
1	Tổng ngân sách	Triệu đồng	
1.1	Ngân sách Trung ương cấp (thông qua các Chương trình, Đề án do Sở LĐTBXH phân bổ ...)	Triệu đồng	
1.2	Ngân sách địa phương cấp	Triệu đồng	
	- Phòng LĐTBXH (nguồn triển khai tại Phòng LĐTBXH; bao gồm cả nguồn cấp cho hoạt động của Quỹ BTTE cấp huyện; không tính phân bổ về cho cấp xã)	Triệu đồng	
	- Thành phố, huyện, thị xã (nguồn triển khai tại huyện, không tính phân bổ về cho cấp xã)	Triệu đồng	
	- Xã, phường, thị trấn	Triệu đồng	
2	Các nguồn kinh phí vận động khác	Triệu đồng	
2.1	Vận động của Quỹ Bảo trợ trẻ em địa phương (các cấp) (bao gồm kinh phí vận động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước)	Triệu đồng	
2.2	Huy động từ các tổ chức quốc tế	Triệu đồng	

..... ngày..... tháng..... năm.....

**Lãnh đạo duyệt**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**THỐNG KÊ VỀ HỆ THỐNG BẢO VỆ TRẺ EM**

Huyện/thị xã/thành phố:.....

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2019
<b>I</b>	<b>Hệ thống bảo vệ trẻ em</b>		
1	Huyện/Thị xã/TP đã có Quyết định thành lập, thành lập lại Ban điều hành bảo vệ trẻ em cấp huyện	Có/không	
2	Huyện/Thị xã/TP đã có Quyết định thành lập, thành lập lại Nhóm công tác liên ngành bảo vệ trẻ em cấp huyện	Có/không	
3	Huyện/Thị xã/TP đã có Quyết định thành lập Trung tâm công tác xã hội trẻ em cấp huyện	Có/không	
4	Số xã có quyết định thành lập, thành lập lại Ban bảo vệ trẻ em cấp xã	Xã	
5	Số xã có mạng lưới cộng tác viên tham gia công tác BVCSTE ở thôn/ xóm/bản/làng/cụm dân cư	Xã	
<b>II</b>	<b>Hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em</b>		
1	Số cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em		
1.1	Số cơ sở công lập: (gồm các cơ sở BTXH có trẻ em):	Cơ sở	
	- Số cán bộ, nhân viên	Người	
	- Số trẻ em được nuôi dưỡng	Người	
	- Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được tư vấn, tham vấn, trị liệu tại các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em	Người	
	- Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp các dịch vụ y tế, giáo dục, pháp lý, phúc lợi xã hội	Người	
	- Số trẻ em được nâng cao kỹ năng tự bảo vệ	Người	
	- Số trẻ em được lập kế hoạch hỗ trợ, can thiệp (theo quy định tại Điều 52 Luật Trẻ em 2016)	Người	
	- Kinh phí (hoạt động, nuôi dưỡng trẻ em)	Triệu đồng	
1.2	Số cơ sở ngoài công lập:	Cơ sở	
	- Số cán bộ, nhân viên	Người	
	- Số trẻ em được nuôi dưỡng	Người	
	- Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được tư vấn, tham vấn, trị liệu tại các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em	Người	
	- Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp các dịch vụ y tế, giáo dục, pháp lý, phúc lợi xã hội	Người	
	- Số trẻ em được nâng cao kỹ năng tự bảo vệ	Người	
	- Số trẻ em được lập kế hoạch hỗ trợ, can thiệp (theo quy định tại Điều 52 Luật Trẻ em 2016)	Người	
	- Kinh phí (hoạt động, nuôi dưỡng trẻ em)	Triệu đồng	

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu, mục tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Năm 2019</b>
2	Tổ chức tập huấn/bồi dưỡng kỹ năng thực hành cho đội ngũ cán bộ làm việc trong hệ thống cung cấp dịch vụ		
	- Số lớp tập huấn/bồi dưỡng	Lớp	
	- Số cán bộ làm việc trong hệ thống cung cấp dịch vụ được tập huấn/bồi dưỡng	Người	
3	Số Văn phòng tư vấn trẻ em cấp huyện	văn phòng	
4	Số điểm tư vấn cộng đồng	Điểm	
5	Số điểm tư vấn trường học	Điểm	

.. ngày..... tháng..... năm....

**Người lập biểu**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Lãnh đạo duyệt**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*



**THÔNG KÊ TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT**

Huyện/thị xã/thành phố:.....

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
A	B	Người	%	Người	Người	Người	Người	Người	Người
<b>I</b>	<b>Dân số trẻ em</b>								
1	Trẻ em dưới 16 tuổi								
	Trong đó:								
1.1	Nam								
1.2	Nữ								
1.3	Dân tộc:								
	- Dân tộc Kinh								
	- Dân tộc khác								
<b>II</b>	<b>Tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt</b>								
<b>Nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt chia theo các loại sau:</b>		<b>XX</b>	<b>XX</b>	<b>XX</b>	<b>XX</b>	<b>XX</b>	<b>XX</b>	<b>XX</b>	<b>XX</b>
1	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ								
	1. Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ không có người chăm sóc								
	2. Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ được nuôi dưỡng trong cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em hoặc cơ sở trợ giúp xã hội								
	3. Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ sống với người thân thích								

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
	4. Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ được nhận chăm sóc thay thế bởi cá nhân, gia đình không phải người thân thích, trừ trường hợp được nhận làm con nuôi								
2	Trẻ em bị bỏ rơi								
	1. Trẻ em bị bỏ rơi được chăm sóc tại cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE hoặc cơ sở trợ giúp xã hội								
	2. Trẻ em bị bỏ rơi được chăm sóc thay thế bởi cá nhân và gia đình								
3	Trẻ em không nơi nương tựa								
	1. Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật.								
	2. Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội hoặc không còn khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng.								
	3. Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.								
	4. Trẻ em có cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật.								
	5. Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội.								

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
	6. Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.								
	7. Trẻ em có cả cha và mẹ không còn khả năng chăm sóc trẻ em.								
	8. Trẻ em có cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội.								
	9. Trẻ em có cả cha và mẹ đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc								
	10. Trẻ em có cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.								
	11. Trẻ em sống trong gia đình có cả cha và mẹ trong độ tuổi trẻ em.								
	12. Trẻ em có cả cha và mẹ bị hạn chế quyền làm cha mẹ hoặc tạm thời cách ly khỏi cha hoặc mẹ theo quy định của pháp luật.								
4	Trẻ em khuyết tật								
	1. Trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng.								
	2. Trẻ em khuyết tật nặng.								
	3. Trẻ em khuyết tật nhẹ.								
5	Trẻ em nhiễm HIV/AIDS								
	1. Sống với cha mẹ, người thân thích								

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
	2. Được nhận chăm sóc thay thế tại cơ sở tại cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE hoặc cá nhân, gia đình không phải người thân thích.								
6	Trẻ em vi phạm pháp luật								
	1. Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng; đang bị áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính quản lý tại gia đình.								
	2. Trẻ em vi phạm pháp luật chưa xác định được nơi cư trú ổn định đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, tại cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở trợ giúp xã hội.								
	3. Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc đưa vào trường giáo dưỡng; đang bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn hoặc tù có thời hạn nhưng được hưởng án treo.								
	4. Trẻ em chấp hành xong hình phạt tù có thời hạn hoặc chấp hành xong biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.								
7	Trẻ em nghiện ma túy								
	1. Trẻ em nghiện ma túy trong cơ sở cai nghiện.								
	2. Trẻ em nghiện ma túy đang áp dụng biện pháp cai nghiện, điều trị nghiện tại gia đình, cộng đồng.								

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
8	Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở								
	1. Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở không có người chăm sóc.								
	2. Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở sống cùng cha, mẹ hoặc có người chăm sóc.								
9	Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực								
10	Trẻ em bị bóc lột								
	1. Trẻ em đang tham gia lao động trái quy định của pháp luật về lao động.								
	2. Trẻ em bị rù rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia các hoạt động trình diễn hoặc bị sử dụng trong sản xuất các sản phẩm khiêu dâm.								
	3. Trẻ em bị rù rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia hoạt động du lịch tình dục								
	4. Trẻ em bị rù rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia các hoạt động trục lợi khác.								



TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
	5. Trẻ em bị rù rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia hoạt động vận chuyển, mua bán, sản xuất, tàng trữ chất gây nghiện và các hàng hóa khác bị cấm giao dịch theo quy định của pháp luật.								
11	Trẻ em bị xâm hại tình dục								
	1. Trẻ em bị hiếp dâm.								
	2. Trẻ em bị cưỡng dâm.								
	3. Trẻ em bị giao cấu.								
	4. Trẻ em bị dâm ô.								
	5. Trẻ em bị sử dụng vào mục đích mại dâm, khiêu dâm dưới mọi hình thức.								
12	Trẻ em bị mua bán								
	1. Trẻ em bị mua bán trở về sống với cha, mẹ hoặc người thân thích								
	2. Trẻ em bị mua bán trở về được nhận chăm sóc thay thế bởi cá nhân, gia đình không phải người thân thích								
13	Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải Điều trị dài ngày								
	1. Trẻ em thuộc hộ nghèo mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.								
	2. Trẻ em thuộc hộ cận nghèo mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày								
14	Trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc								

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
	1. Trẻ em là công dân Việt Nam di cư, lánh nạn trong nước chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc.								
	2. Trẻ em có quốc tịch nước ngoài di cư, lánh nạn, tị nạn tại Việt Nam không có người chăm sóc.								
	3. Trẻ em chưa xác định được quốc tịch, chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc di cư, lánh nạn, tị nạn tại Việt Nam.								
<b>III</b>	<b>Tổng số trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt</b>								
<b>Nhóm trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt chia theo các loại sau:</b>		<b>XX</b>	<b>XX</b>	<b>XX</b>	<b>XX</b>	<b>XX</b>	<b>XX</b>	<b>XX</b>	<b>XX</b>
1	Trẻ em sống trong gia đình nghèo, cận nghèo. Trong đó: Trẻ em sống trong gia đình nghèo								
2	Trẻ em bỏ học (chưa học xong chương trình THCS).								
3	Trẻ em sống trong các gia đình có vấn đề xã hội (cha, mẹ ly hôn, bạo lực gia đình, có người nhiễm HIV/AIDS)								
4	Trẻ em sống trong gia đình có người mắc tệ nạn xã hội (cha, mẹ, người nuôi dưỡng hoặc thành viên gia đình nghiện ma túy, cờ bạc, trộm cắp, mại dâm)								
5	Trẻ em sống trong gia đình có người vi phạm pháp luật (cha, mẹ, người nuôi dưỡng hoặc thành viên gia đình đang trong thời gian chấp hành xử lý vi phạm hành chính hoặc hình sự)								

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
6	Trẻ em sống trong gia đình có cả cha và mẹ đi làm ăn xa (trẻ em phải sống xa cả cha và mẹ liên tục từ 6 tháng trở lên do cha mẹ đi làm ăn xa)								
7	Trẻ em mồ côi cha hoặc mồ côi mẹ								
<b>IV</b>	<b>Tổng số trẻ em có hoàn cảnh khác</b>								
<b>Nhóm trẻ em có hoàn cảnh khác chia theo các loại sau:</b>		<b>XX</b>	<b>XX</b>	<b>XX</b>	<b>XX</b>	<b>XX</b>	<b>XX</b>	<b>XX</b>	<b>XX</b>
1	Trẻ em bị bắt cóc, chiếm đoạt, đánh tráo								
2	Trẻ em bị tai nạn thương tích								
	- Số trẻ em tử vong do tai nạn thương tích								
	+ Trong đó: số trẻ em tử vong do đuối nước								

..... ngày..... tháng..... năm.....

**Lãnh đạo duyệt**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIỮA KỲ  
CÁC CHỈ TIÊU VỀ TRẺ EM TRONG CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN  
ĐÃ ĐƯỢC THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHÊ DUYỆT**

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	Năm 2018	Năm 2019
<b>I</b>	<b>Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2012-2020</b> (QĐ số 1555/QĐ-TTg, ngày 17/10/2012)		
1	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi		
2	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ em dưới 5 tuổi		
3	Tỷ lệ trạm y tế xã có nữ hộ sinh hoặc y sĩ sản nhi		
4	Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi		
5	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non		
6	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non		
7	Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở bậc tiểu học		
8	Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở bậc trung học cơ sở		
9	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên tổng số trẻ em		
10	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp		
11	Tỷ lệ trẻ em bị bạo lực		
12	Tỷ suất trẻ em bị tai nạn, thương tích		
13	Tỷ lệ xã, phường có điểm vui chơi dành cho trẻ em đạt tiêu chuẩn		
14	Tỷ lệ trẻ em tham gia diễn đàn trẻ em các cấp		
15	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em		
<b>II</b>	<b>Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016-2020</b> (QĐ số 2361/QĐ-TTg, ngày 22/12/2015)		
1	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên tổng số trẻ em		
2	Tỷ lệ gia tăng số trẻ em bị xâm hại		
3	Trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt được quản lý và có các biện pháp can thiệp, trợ giúp kịp thời		
4	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp		
<b>III</b>	<b>Kế hoạch hành động quốc gia vì trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS giai đoạn 2016-2020</b> (QĐ số 570/QĐ-TTg, ngày 22/4/2014)		
1	Tỷ lệ trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS trong diện quản lý được cung cấp các dịch vụ về y tế, giáo dục, tư vấn, hỗ trợ dinh dưỡng và phát triển thể chất, chăm sóc thay thế, vui chơi giải trí và các chính sách xã hội theo quy định.		
2	Tỷ lệ cơ sở trợ giúp trẻ em, cơ sở chăm sóc và điều trị cho trẻ em nhiễm HIV, các tổ chức xã hội có liên quan đến trẻ em HIV được cung cấp kiến thức, kỹ năng về bảo vệ, chăm sóc trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.		
3	Tỷ lệ trường học tạo cơ hội cho trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS được đi học theo nhu cầu.		
<b>IV</b>	<b>Chương trình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em</b> giai đoạn 2016-2020 (QĐ số 1235/QĐ-TTg, ngày 03/8/2015)		

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	Năm 2018	Năm 2019
1	Tỷ lệ pháp luật, chính sách về trẻ em ở cấp Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện được tham vấn ý kiến trẻ em;		
2	Tỷ lệ các quyết định có liên quan đến trẻ em trong nhà trường được tham vấn ý kiến trẻ em		
3	Tỷ lệ các quyết định có liên quan đến trẻ em trong cộng đồng, xã hội được tham vấn ý kiến trẻ em		
4	Tỷ lệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện ít nhất 02 mô hình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em.		
<b>V</b>	<b>Chương trình phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em giai đoạn 2016-2020</b> (QĐ số 234/QĐ-TTg, ngày 05/02/2016)		
1	Tỷ suất trẻ em bị tai nạn, thương tích		
2	Tỷ suất trẻ em bị tử vong do tai nạn, thương tích		
3	Số hộ gia đình có trẻ em đạt tiêu chí Ngôi nhà an toàn		
4	Số trường học đạt tiêu chuẩn Trường học an toàn		
5	Số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn Cộng đồng an toàn.		
6	Tỷ lệ trẻ em tử vong do tai nạn giao thông đường bộ		
7	Tỷ lệ trẻ em bị tử vong do đuối nước		
8	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi tiểu học, trung học cơ sở biết các quy định về an toàn giao thông.		
9	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi tiểu học và trung học cơ sở biết kỹ năng an toàn trong môi trường nước.		
10	Tỷ lệ trẻ em sử dụng áo phao khi tham gia giao thông đường thủy.		
11	Tỷ lệ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thí điểm chương trình bơi an toàn cho trẻ em.		
12	Tỷ lệ cán bộ cấp tỉnh, cấp huyện làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em được tập huấn về kỹ năng phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em		
13	Tỷ lệ cán bộ cấp xã, cộng tác viên, tình nguyện viên làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em được tập huấn về kỹ năng phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em		
<b>VI</b>	<b>Chương trình phòng, ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016-2020</b> (QĐ số 1023/QĐ-TTg, ngày 07/6/2016)		
1	Nâng cao nhận thức, năng lực và trách nhiệm của chính quyền các cấp, các ngành, các tổ chức có liên quan, người sử dụng lao động, cộng đồng, cha mẹ và trẻ em về lao động trẻ em		
2	Tỷ lệ trẻ em lao động trái quy định của pháp luật khi có thông báo, phát hiện được hỗ trợ, can thiệp kịp thời		
<b>VII</b>	<b>Chương trình mục tiêu Hỗ trợ phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2020</b> (QĐ số 565/QĐ-TTg ngày 25/4/2017)		
1	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp		
2	Tỷ lệ gia tăng số trẻ em bị xâm hại		
3	Tỷ lệ trẻ em có nguy cơ cao bị xâm hại, trẻ em bị xâm hại có kế hoạch hỗ trợ, can thiệp		
4	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được quản lý, theo dõi.		

..... ngày..... tháng..... năm.....

**Lãnh đạo duyệt**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)